

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 636/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 822/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Tổ T 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 02 năm 1999. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại T, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp dẫn đến

thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị H đã sống ly thân. Chị cùng các con vẫn sống tại Kiên An, Hải Phòng còn anh về sống với gia đình anh tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình; con thứ hai là Nguyễn Lan Á, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005; con thứ ba là Nguyễn Ánh N, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008. Các cháu Lan Á và Ánh Ngọc hiện đang sống chung cùng chị H, do vậy anh đồng ý để chị H nuôi cả 02 con chung là Nguyễn Lan Á và Nguyễn Ánh N đến khi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc đối với chị H có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1999 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi sinh con thứ 3, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng năm 2013 do mâu thuẫn vợ chồng, chị và anh D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện anh D có yêu cầu xin ly hôn, chị không đồng ý. Về con chung, chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình; con thứ hai là Nguyễn Lan Á, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005; con thứ ba là Nguyễn Ánh N, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008. Các cháu Lan Á và Ánh N hiện đang sống chung cùng chị. Nếu Tòa án cho cho anh chị ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống chung cùng với ai, chị cũng đồng ý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiên An, thành phố Hải Phòng: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao con 02 chung là Nguyễn Lan Á và Nguyễn Ánh N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do anh D, chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc anh D phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ T 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, chị Nguyễn Thị H không đến Tòa án nhưng chị có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 02 năm 1999. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định anh D, chị H trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2013. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu này của anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình; con thứ hai là Nguyễn Lan Á, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005; con thứ ba là Nguyễn Ánh N, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2008. Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị H từ trước đến nay vẫn đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Lan Á và Nguyễn Ánh N, anh Nguyễn Văn D cũng đồng ý để chị H nuôi cả 02 con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Lan Á và Nguyễn Ánh N cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lan Á, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005 và Nguyễn Anh N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007651 ngày 06-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường Tràng Minh, quận Kiến An, TP. Hải Phòng (ĐKKH ngày 04/02/1999);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông

